

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. MỤC LỤC	1
2. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	7 - 10
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
4.4 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp ("Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập bởi Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6078/QĐ-UB-KT ngày 29 tháng 10 năm 1997 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301448324 ngày 12 tháng 02 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 5 lần đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đăng ký kinh doanh thay đổi cụ thể như sau:

Thay đổi đăng ký kinh doanh	Số giấy chứng nhận	Ngày
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu	0301448324	24/08/2010
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ nhất	0301448324	25/04/2012
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 2	0301448324	04/07/2013
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 3	0301448324	04/12/2014
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 4	0301448324	29/12/2014
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thay đổi lần thứ 5	0301448324	30/11/2015

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 13.155.000.000 đồng và được thay đổi nhiều lần trong quá trình kinh doanh. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30/11/2015 là 30.011.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động : 179A Dương Quảng Hàm, phường 5, quận Gò Vấp, TP. HCM
Điện thoại : (84-8) 3985 3219
Fax : (84-8) 3985 3220
MST : **0 3 0 1 4 4 8 3 2 4**

Ngành nghề kinh doanh chính: Thi công công trình thủy lợi quy mô nhỏ, hệ thống cấp nước. Kinh doanh vật liệu xây dựng. Quản lý nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý. Tư vấn nhà đất. Lập bản đồ hiện trạng nhà ở. Lập luận chứng kinh tế kỹ thuật công trình đo đạc bản đồ. Đo vẽ và hiệu chỉnh bản đồ địa hình tỷ lệ lớn. Xây dựng mạng lưới địa chính và đo vẽ thành lập bản đồ địa chính. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế quy hoạch xây dựng. Nuôi trồng cây cảnh. Thi công sân vườn, non bộ, ngoại thất công trình. Sửa chữa nhà. Xây dựng công nghiệp, dân dụng. Sửa chữa, duy trì, đào đắp các công trình. San lấp mặt bằng. Duy tu, bảo dưỡng, làm mới công trình giao thông theo phân cấp và chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao. Bảo dưỡng nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý. Mua bán cây cảnh. Cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý. Trang trí nội thất. Quét dọn, thu gom rác và các công trình. Dịch vụ vệ sinh đô thị (hút hầm cầu, phá dỡ và dọn dẹp công trình). Dịch vụ mai táng, dịch vụ nhà tang lễ, bốc mộ (không gây ô nhiễm môi trường). Kiểm tra kỹ thuật, nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ. Xây dựng công trình đường bộ./.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 7 đến trang 32).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

179A Dương Quảng Hàm, phường 5, quận Gò Vấp, TP. HCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

<u>Họ tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Đỗ Anh Khang	Chủ tịch
Bà Lê Thị Bích Ngọc	Thành viên
Ông Võ Quang Sơn	Thành viên

Kiểm soát viên

<u>Họ tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Huỳnh Đình Trọng	Kiểm soát viên

Ban Giám đốc

<u>Họ tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Võ Quang Sơn	Giám đốc
Bà Lê Thị Bích Ngọc	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Huy	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Văn Mạnh	Phó Giám đốc
Ông Bùi Minh Quang	Phó Giám đốc
Ông Phan Xuân Thiện	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Võ Quang Sơn - Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

179A Dương Quảng Hàm, phường 5, quận Gò Vấp, TP. HCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

**Võ Quang Sơn**

Giám đốc

TP. HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2016

Số: 033/2015/BCTC-FAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 01 năm 2016, từ trang 7 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đang tạm trích quỹ tiền lương năm 2015 của viên chức quản lý và người lao động theo Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 09 năm 2013 và Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 09 năm 2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 và Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ (Thuyết minh số IV.19). Hiện Công ty đang chờ quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện trong năm 2015.

Căn cứ biên bản kiểm tra ngày 30/09/2015 của UBND Quận Gò Vấp, từ ngày 01/01/2015, Công ty đã đăng ký thay đổi thời gian khấu hao đối với một số tài sản. Tùy theo sự nhìn nhận của các bên có liên quan, vấn đề này sẽ ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính (xem thuyết minh IV.9).

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Công ích Quận Gò Vấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Điền Văn Châu - Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0701-2013-099-1

Giấy ủy quyền số 011/2014/UQ-FAC ngày 20/10/2014

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2016

Nguyễn Thanh Mỹ - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 2800-2015-099-1

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Nhà nước
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ công ích.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Hoạt động kinh doanh phục vụ công ích xã hội.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** : không quá 12 tháng.
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các thông tin so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 529 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty đã áp dụng Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo Tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được trình bày theo nguyên tắc giá gốc dựa trên cơ sở giả định Công ty hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

9. Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Căn cứ biên bản kiểm tra ngày 30/09/2015 của UBND Quận Gò Vấp, từ ngày 01/01/2015, Công ty đã đăng ký thay đổi thời gian khấu hao đối với một số tài sản:

- Thay đổi thời gian khấu hao của nhà 179A Dương Quảng Hàm và nhà 22A Quang Trung từ 10 năm lên 25 năm.

- Thay đổi thời gian khấu hao của 5 xe ép rác từ 6 năm lên 10 năm.

Việc thay đổi thời gian khấu hao làm cho chi phí khấu hao giảm 2.061.920.698 đồng dẫn đến lợi nhuận trước thuế tăng tương ứng 2.061.920.698 đồng.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định hữu hình:

	<i>Giai đoạn trước</i> <i>01/01/2015</i>	<i>Giai đoạn sau</i> <i>01/01/2015</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 15 năm	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 06 năm	03 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm	03 - 06 năm

Tài sản cố định vô hình:

- Phần mềm máy tính	03 năm	03 năm
---------------------	--------	--------

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VI.2

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt tại quỹ	363.534.688	62.170.293
Tiền gửi ngân hàng	15.215.499.923	13.830.500.944
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng)	22.118.282.353	10.591.899.448
Cộng	37.697.316.964	24.484.570.685

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
- Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị Thành phố Hồ Chí Minh	4.417.267.161	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Công trình quận Gò Vấp	4.553.718.893	15.791.084.574
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Địa ốc Thành Phố	2.395.234.000	-
- Phòng Tài nguyên Môi trường Quận Gò Vấp	2.051.218.984	1.599.542.666
- Các khách hàng khác	7.059.064.233	8.283.378.577
Cộng	20.476.503.271	25.674.005.817

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
- Công ty TNHH May và Trang bị BHLĐ Huy Trường	182.000.000	50.000.000
- Các nhà cung cấp khác	15.125.000	40.125.000
Cộng	197.125.000	90.125.000

4. Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Phải thu đội vận chuyển	233.601.963	195.534.200
Phải thu đội quản lý nhà		-
Phải thu đội môi trường	200.314.942	200.314.942
Lãi dự thu các khoản tiền gửi có kỳ hạn	86.642.329	67.476.746
Chi phí thiết kế chung cư phường 16	213.000.000	213.000.000
Ký quỹ Công ty TNHH Sài Gòn Co.op Gò Vấp	30.000.000	30.000.000
Tạm ứng chi phí cho cán bộ công nhân viên	1.050.868.818	50.700.000
Phải thu công trình cải tạo, mở rộng trường Trung học Kim Đồng - Công ty CP Tư vấn Xây dựng Hà Đình	5.595.373.000	
Các khoản phải thu khác	64.492.976	196.097.760
Cộng	7.474.294.028	953.123.648

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Khoản phải thu tiền thuê chung cư của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	81.616.458	81.616.458
Cộng	81.616.458	81.616.458

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Xây Dựng Thành Phát	1.519.693.780	455.908.000
Công ty TNHH Xây Dựng Thành Phát Lộc	214.099.891	64.230.000
Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Gò Vấp	800.000.000	800.000.000
Công ty CP Tập đoàn TV ĐT XD An Cư	32.481.400	-
Công ty CP Cấp nước Gia Định	360.582.193	-
Công ty TNHH TM Song Kim	300.875.717	-
Công ty TNHH Nguyễn Gia Huy	254.100.000	-
Công ty TNHH Xây Dựng An Phước Thuận	28.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và XD Tài Anh	122.320.000	-
Cộng	3.632.152.981	1.320.138.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
Số đầu năm	1.320.138.000	800.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	2.312.014.981	520.138.000
Số cuối năm	3.632.152.981	1.320.138.000

6. Hàng tồn kho

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	451.808.468	1.866.568.502
Cộng	451.808.468	1.866.568.502

(*) Trong đó:

- Hệ thống thoát nước tại thửa 662 & 663 tờ số 10 P.15 Q.Gò Vấp	-	289.593.855
- Đào và vận chuyển đất, xà bần - Khu TT Kinh tế, kỹ thuật, hậu cần	-	977.758.750
- San lấp mặt bằng và phần BTCT móng nhà xưởng + văn phòng	356.059.432	356.059.432
- Mở rộng, nâng cấp đường Nguyễn Văn Dung, phường 6, quận Gò Vấp	-	234.755.140
- Các công trình khác	95.749.036	8.401.325
Cộng	451.808.468	1.866.568.502

7. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2015	01/01/2015
Khấu hao cơ bản tiền thuê nhà phải nộp NSNN	-	150.815.450
Cộng	-	150.815.450

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại 01/01/2015	14.955.613.882	179.130.000	30.830.405.134	344.644.045	46.309.793.061
Tăng trong năm	-	-	7.942.138.000	125.546.000	8.067.684.000
Mua sắm mới	-	-	-	125.546.000	125.546.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	7.942.138.000	-	7.942.138.000
Giảm trong năm	-	-	(8.759.944.910)	-	(8.759.944.910)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(8.759.944.910)	-	(8.759.944.910)
Tại 31/12/2015	14.955.613.882	179.130.000	30.012.598.224	470.190.045	45.617.532.151
<i>Trong đó:</i>					
Đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng	137.000.000	102.850.000	8.729.732.443	209.791.410	9.179.373.853
Hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2015	4.529.779.672	117.932.161	19.303.617.811	261.370.723	24.212.700.367
Tăng trong năm	506.956.002	16.970.168	3.361.688.781	57.756.904	3.943.371.855
Khấu hao trong năm	506.956.002	16.970.168	3.361.688.781	57.756.904	3.943.371.855
Giảm trong năm	-	-	7.309.995.868	-	7.309.995.868
Thanh lý, nhượng bán	-	-	7.309.995.868	-	7.309.995.868
Tại 31/12/2015	5.036.735.674	134.902.329	15.355.310.724	319.127.627	20.846.076.354
Giá trị còn lại					
Tại 01/01/2015	10.425.834.210	61.197.839	11.526.787.323	83.273.322	22.097.092.694
Tại 31/12/2015	9.918.878.208	44.227.671	14.657.287.500	151.062.418	24.771.455.797

Một số phương tiện vận tải được đem đi thế chấp cho các khoản vay, chi tiết như sau:

- 02 xe ô tô chở rác hiệu Hyundai mang biển số 51C-338.79 và 51C-338.48, có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 5.258.091.571 VND và 3.686.923.729 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Tiền Phong -Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.
- 02 xe ô tô chở rác thải mang biển số 51C-165.13 và 51C-165.12, có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 4.771.458.728 VND và 2.350.732.716 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Bắc Sài Gòn.
- 02 xe ô tô ép rác mang biển số 51C-645.79 và 51C-635.10, có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 5.326.397.818 VND và 5.148.851.226 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Quỹ Bảo vệ Môi trường Thành phố

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại 01/01/2015	36.000.000	32.000.000	4.000.000
Khấu hao trong năm	-	4.000.000	(4.000.000)
Tại 31/12/2015	36.000.000	36.000.000	-

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm tòa nhà quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc sở hữu Nhà nước đang giao cho Công ty quản lý và khai thác hộ Nhà nước. Trong đó, có một số căn hộ chung cư để phục vụ cho mục đích bán trả góp, hỗ trợ di dời tái định cư. Công ty không tiến hành khấu hao đối với các căn hộ này.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại 01/01/2015	8.088.945.208	3.144.103.944	4.944.841.264
Khấu hao trong năm	-	-	-
Bán nhà trong năm	(932.715.565)	-	(932.715.565)
Tại 31/12/2015	7.156.229.643	3.144.103.944	4.012.125.699

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Phát sinh tăng trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	2.615.372.000	5.326.766.000	7.942.138.000	-
XDCB dở dang	-	4.282.286.157	-	4.282.286.157
<i>Công trình Cửa hàng tiện ích - 568 Nguyễn Oanh</i>	-	4.282.286.157	-	4.282.286.157
Cộng	2.615.372.000	9.609.052.157	7.942.138.000	4.282.286.157

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Phát sinh tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	58.921.996	227.713.634	142.387.705	144.247.925
Cộng	58.921.996	227.713.634	142.387.705	144.247.925

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ khí Số Sáu	-	43.000.000
- Công ty Cổ phần Vận tải TM XD Công Nghiệp Đức Long	-	1.722.900.000
- Công ty TNHH MTV Đông Hải	615.464.970	-
- Công ty Cổ phần Vỏ xe DANA	97.891.794	-
- Công ty TNHH TM DV Lê Hùng Sao Mai	65.107.680	-
Cộng	778.464.444	1.765.900.000

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đông Tây	-	200.000.000
- Đoàn Văn Ninh	-	200.000.000
- Khách hàng thuê căn hộ chung cư Khang Gia	197.232.000	-
- Long Văn Cổ	121.360.689	-
- Các nhà cung cấp khác	3.575.000	-
Cộng	322.167.689	400.000.000

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	01/01/2015
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.707.657.708	2.722.556.443
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.472.677.615	978.293.726
Thuế thu nhập cá nhân	31.623.454	129.666.748
Phí vệ sinh môi trường	69.803.257	-
Khấu hao cơ bản tiền thuê nhà phải nộp NSNN	596.503.055	-
Cộng	4.878.265.089	3.830.516.917

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong năm như sau :

	01/01/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2015
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.722.556.443	7.268.520.701	7.283.419.436	2.707.657.708
Thuế thu nhập doanh nghiệp	978.293.726	2.179.708.183	1.685.324.294	1.472.677.615
Thuế thu nhập cá nhân	129.666.748	80.773.771	178.817.065	31.623.454
Thuế đất, tiền thuê đất	-	753.560.068	753.560.068	-
Phí vệ sinh môi trường	-	893.351.735	823.548.478	69.803.257
Khấu hao cơ bản tiền thuê nhà phải nộp NSNN	(150.815.450)	2.032.915.569	1.285.597.064	596.503.055
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phạt thuế, thuế chậm nộp	-	267.742.238	267.742.238	-
Cộng (*)	3.679.701.467	13.479.572.265	12.281.008.643	4.878.265.089

(*) Trong đó:

Số nộp thừa (xem thuyết minh IV.6)	150.815.450	-
Số còn phải nộp	3.830.516.917	4.878.265.089

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các sản phẩm và dịch vụ như sau:

- Dịch vụ tang lễ	: Không chịu thuế
- Các hoạt động khác	: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh III.16 và thuyết minh V.8

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Theo hướng dẫn của công văn số 6047/UBND-CNN ngày 13/11/2013 về việc quản lý, sử dụng tiền cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước do ủy ban nhân dân thành phố là đại diện chủ sở hữu đang tạm giao cho các công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước quản lý giữ hộ thì: tiền thu được từ việc cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước sau khi khấu trừ chi phí quản lý và các chi phí hợp lệ khác được nộp vào một mục riêng của ngân sách thành phố (áp dụng từ năm tài chính 2013).

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế, do đó số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

16. Phải trả người lao động

	31/12/2015	01/01/2015
Phải trả viên chức quản lý	1.138.457.122	785.517.393
Phải trả người lao động	17.637.420.543	9.675.633.417
Cộng	18.775.877.665	10.461.150.810

Công ty thực hiện trích quỹ lương năm 2015 cho người lao động và viên chức quản lý theo Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 09 năm 2013 và Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09 tháng 09 năm 2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 và Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ. Chi tiết quỹ lương trích trong năm như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
Quỹ lương thực hiện của viên chức quản lý	2.653.560.000	2.250.475.359
Quỹ lương thực hiện của người lao động	44.866.586.243	43.928.025.641
Cộng	47.520.146.243	46.178.501.000

Quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 của Công ty đã được UBND Quận Gò Vấp phê duyệt theo Thông báo 109/TB-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2015.

Công ty đang chờ phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với Quỹ tiền lương thực hiện năm 2015.

17. Phải trả khác

a. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
- Kinh phí công đoàn	99.013.850	-
- Phải trả ngân sách (tiền bán nhà chung cư)	1.081.239.009	770.338.931
- Các khoản phải hoàn thuế cho các đội	1.489.356.103	1.470.570.090
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- Phải trả các đội thi công	7.564.620.267	10.143.475.189
- Phải trả chi phí sửa chữa, bảo trì nhà công sản	-	407.316.392
- Nhận ký quỹ trạm xăng Thạnh Lộc	22.000.000	-
- Phải trả ngân sách (quản lý hộ nhà chung cư Khang Gia, An Sương)	2.491.125.985	-
- Phải trả ngân sách (quản lý hộ lãi trả góp chung cư Khang Gia, An Sương)	189.987.016	-
- Phải trả ngân sách (cho thuê giữ xe Công viên Làng Hoa)	665.454.544	544.318.182
- Phải trả ngân sách (cho thuê mặt bằng Làng Hoa)	166.818.185	269.090.914
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	126.258.857	79.772.000
Cộng	13.895.873.816	13.684.881.698

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN GÒ VẤP

179A Dương Quảng Hàm, phường 5, quận Gò Vấp, TP. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

b. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Nợ dài hạn		
- Phải trả lại tiền bán trả góp nhà Chung cư cho Quỹ đầu tư	81.616.458	81.616.458
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.200.000.000	1.200.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Tâm Huỳnh	240.000.000	240.000.000
- Trường THPT Lý Thái Tổ	135.000.000	171.000.000
- Công ty Cổ phần Ta Ca	1.000.000.000	-
- Các khách hàng khác	86.000.000	86.000.000
Cộng	2.742.616.458	1.778.616.458

18. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2015		Phát sinh trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn (a)	-	-	1.448.626.270	2.537.050.160	1.088.423.890	1.088.423.890
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.HCM (b)	1.950.342.660	1.950.342.660	5.812.164.970	5.979.686.860	2.117.864.550	2.117.864.550
Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn (c)	700.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000	700.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả Quỹ Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (d)	816.972.000	816.972.000	816.972.000	-	-	-
Cộng	3.467.314.660	3.467.314.660	8.777.763.240	9.216.737.020	3.906.288.440	3.906.288.440

Thông tin về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

(a) Khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số: 6321-LAV-201400654 ngày 26 tháng 09 năm 2014. Hạn mức vay: 5.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo: Xe tải ben 57M-2665; 57M-2955; 57M-3007; 57M-3172 tổng giá trị tài sản thế chấp là 3.348.800.000 đồng đảm bảo cho hạn mức 2.300.000.000 đồng, phần còn lại sẽ bổ sung tài sản thế chấp theo tiến độ giải ngân.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 07-12.13/HĐTDHM/TPB.NOH ngày 31 tháng 12 năm 2013. Hạn mức vay: 5.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: tối đa không quá 4 tháng. Lãi suất: theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.

Tài sản đảm bảo: xe ô tô chở rác BS 51C-338.79; 51C-338.48 tổng giá trị tài sản thế chấp là 3.725.000.000 đồng.

(c) Xem thuyết minh số IV.18b

(d) Xem thuyết minh số IV.18b

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Tại ngày 01/01/2015	Số tiền vay trong năm	Thanh toán trong năm	Nợ đến hạn trả	Tại ngày 31/12/2015
A - Vay ngắn hạn					
ngân hàng	3.206.288.440	7.260.791.240	8.516.737.020	-	1.950.342.660
Ngân hàng Nông Ngh nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn	1.088.423.890	1.448.626.270	2.537.050.160	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.HCM	2.117.864.550	5.812.164.970	5.979.686.860	-	1.950.342.660
B - Nợ dài hạn đến hạn trả	700.000.000	-	700.000.000	1.516.972.000	1.516.972.000
Ngân hàng Nông Ngh nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn	700.000.000	-	700.000.000	700.000.000	700.000.000
Quỹ Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	816.972.000	816.972.000
Cộng	3.906.288.440	7.260.791.240	9.216.737.020	1.516.972.000	3.467.314.660

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2015		Phát sinh trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn (*)	800.000.000	800.000.000	-	700.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Quỹ Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (**)	2.995.554.000	2.995.554.000	4.084.850.000	1.089.296.000	-	-
Cộng	3.795.554.000	3.795.554.000	4.084.850.000	1.789.296.000	1.500.000.000	1.500.000.000

Chi tiết khoản vay dài hạn:

(*) Khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng vay số 6321-LAV-201200360 ngày 15 tháng 05 năm 2012. Hạn mức vay: 3.600.000.000 đồng. Mục đích vay là mua xe chở rác thải. Lãi suất: 17,5%/năm và điều chỉnh theo từng lần nhận nợ cụ thể.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6321-LAV-201200371 ngày 15 tháng 5 năm 2012 ký với Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn. Thế chấp 02 xe chở rác thải Hyundai biển số 51C-165.13 và 51C-165.12. Tổng giá trị: 5.200.000.000 VND.

(**) Vay dài hạn từ Quỹ Bảo vệ Môi Trường theo Hợp đồng tín dụng số 05-01/QBVM-THTD ngày 29 tháng 5 năm 2015 với số tiền vay 4.084.850.000 đồng, mục đích vay là thực hiện dự án: Đầu tư mua sắm 02 xe ép rác. Thời hạn vay là 5 năm. Lãi suất trong hạn là 4,8%/năm. Tài sản thế chấp là bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 02 chiếc xe ép rác đầu tư mới, tổng giá trị Tài sản thế chấp là 5.835.500.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2015	Số tiền vay trong năm	Thanh toán trong năm	Chuyển sang nợ đến hạn trả	Tại ngày 31/12/2015
Ngân hàng Nông Nghệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Bắc Sài Gòn	1.500.000.000	-	-	700.000.000	800.000.000
Quỹ Bảo vệ Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	-	4.084.850.000	272.324.000	816.972.000	2.995.554.000
Cộng	1.500.000.000	4.084.850.000	272.324.000	1.516.972.000	3.795.554.000

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2015	Năm 2014
Số dư tại ngày 01/01	3.412.439.111	(3.500.595.189)
Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế trong kỳ	4.648.614.476	10.339.435.524
Tăng khác	48.000.000	138.633.600
Chi quỹ trong năm	3.385.611.689	3.565.034.824
Giảm khác	50.173.008	-
Số dư tại ngày 31/12 (*)	4.673.268.890	3.412.439.111

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2014	24.656.066.015	3.288.750.000	10.552.268.631	38.497.084.646
Lợi nhuận sau thuế năm 2014	-	-	7.419.381.745	7.419.381.745
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.339.435.524)	(10.339.435.524)
Điều chỉnh giảm chi phí trực lễ, tết năm 2012	-	-	20.500.000	20.500.000
Thuế truy thu	-	-	(233.333.107)	(233.333.107)
Tại 31/12/2014	24.656.066.015	3.288.750.000	7.419.381.745	35.364.197.760

Mẫu B 09-DN

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại 01/01/2015	24.656.066.015	3.288.750.000	7.419.381.745	35.364.197.760
Lợi nhuận sau thuế năm 2015	-	-	7.530.628.266	7.530.628.266
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.648.614.476)	(4.648.614.476)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.740.838.927	(1.740.838.927)	-
Điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2013 theo biên bản kiểm tra của chi cục tài chính	-	-	50.173.008	50.173.008
Tăng vốn trong năm	5.357.114.489	(5.029.588.927)	(327.525.562)	-
Điều chỉnh nguồn thu nhà SHNN theo biên bản kiểm tra của chi cục tài chính	-	-	(124.133.477)	(124.133.477)
Phạt thuế chậm nộp	-	-	(1.387.921)	(1.387.921)
Nộp lại ngân sách khoản lợi nhuận đối với hoạt động cho thuê nhà công sản	-	-	(571.369.564)	(571.369.564)
Thuế TNDN truy thu theo biên bản kiểm tra của chi cục tài chính	-	-	(55.684.826)	(55.684.826)
Tại 31/12/2015	30.013.180.504	-	7.530.628.266	37.543.808.770

21. Nguồn kinh phí

	31/12/2015	01/01/2015
Nguồn kinh phí sửa chữa nhà	707.419.782	583.286.305
Nguồn kinh phí bán nhà	20.481.786	18.808.713
Cộng	727.901.568	602.095.018

22. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	Năm 2015	Năm 2014
Số đầu năm	4.988.229.302	5.037.485.096
Giá trị nhận bàn giao	-	-
Giá trị tài sản đã bán trong năm	(932.715.565)	(49.255.794)
Số cuối năm	4.055.513.737	4.988.229.302

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng doanh thu	133.105.297.259	137.741.753.069
- Doanh thu hoạt động vệ sinh đô thị	37.203.698.253	32.846.374.858
- Doanh thu hoạt động vận chuyển rác	28.193.711.093	39.075.038.022
- Doanh thu hoạt động duy tu	16.384.498.939	19.779.446.780
- Doanh thu hoạt động sửa chữa, xây dựng	24.105.816.001	20.799.859.946
- Doanh thu hoạt động cho thuê nhà	2.953.509.670	2.983.582.041
- Doanh thu hoạt động nhà tang lễ	370.922.730	269.440.914
- Doanh thu hoạt động thiết kế	2.602.724.219	434.867.445
- Doanh thu hoạt động khác	21.290.416.354	21.553.143.366
Các khoản giảm trừ:	-	-
Doanh thu thuần	133.105.297.259	137.741.753.069

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	115.771.029.771	118.004.333.857
Cộng	115.771.029.771	118.004.333.857

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	832.158.343	834.688.753
Cộng	832.158.343	834.688.753

4. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	484.269.781	692.448.009
Cộng	484.269.781	692.448.009

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí cho nhân viên	6.602.428.185	6.343.023.937
Chi phí đồ dùng văn phòng	233.081.296	276.766.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	543.058.342	1.509.448.885
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	2.312.014.981	520.138.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	754.004.655	442.216.018
Các chi phí khác	1.707.315.841	1.680.759.417
Cộng	12.154.903.300	10.775.353.186

6. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.091.973.684	208.384.471
Các khoản thu nhập khác	51.793.369	190.514.257
Cộng	4.143.767.053	398.898.728

7. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Sửa chữa barie tại Công viên Làng Hoa	10.368.180	-
Chi phí khác	6.000.000	-
Cộng	16.368.180	-

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.654.651.623	9.503.205.498
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(31.279.348)
Thu nhập khác theo BBKT thuế, đã giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	(31.279.348)
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	9.654.651.623	9.471.926.150
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất phổ thông (22%)	2.124.023.357	2.083.823.753
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.124.023.357	2.083.823.753

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng Chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

Ảnh hưởng của việc trình bày lại và điều chỉnh hồi tố doanh thu đến số liệu so sánh như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn khác	136	872.423.648	80.700.000	953.123.648
Tài sản ngắn hạn khác	155	80.700.000	(80.700.000)	-
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Thu nhập khác	31	2.192.332.439	(1.793.433.711)	398.898.728
Chi phí khác	32	1.793.433.711	(1.793.433.711)	-

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Tiền lương	2.326.886.216
Tiền thưởng	406.035.389
Cộng	2.732.921.605

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2016

Lê Thành Tín
Người lập biểu

Phan Xuân Thiện
Kế toán trưởng



Võ Quang Sơn
Giám đốc